

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/DS-PT

Ngày: 28-7-2023

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các thẩm phán:

1. Ông Lâm Thuận Tùng

2. Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 129/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST, ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2023/QĐXX-PT ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1949; nơi cư trú: phường Đ, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; nơi cư trú: phường Đ, thành phố L, tỉnh A. (Theo văn bản ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Long Xuyên ngày 28/02/2022, số 337, quyển số 01 TP/CC-SCC-HĐGD). (Vắng mặt khi tuyên án)

2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1955; nơi cư trú: phường Đ, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1962; nơi cư trú: phường Đ, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà T: ông Trần Ngọc P, sinh năm 1977; nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh A (theo văn bản ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Long Xuyên ngày 28/02/2022, số 337, quyển số 01 TP/CC-SCC-HĐGD).

4. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1964; nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh A. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1962; nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh A (theo văn bản ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng ngày 27/01/2022, số 66, quyển số 01 SCK/CK,ĐC).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số S, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Ngọc M thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1958; nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số S, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt)

3. Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1986; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Chị Mai Phương C, sinh năm 1993; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Cháu Nguyễn Mai Nhật H, sinh năm 2018;

Cùng nơi cư trú: Số S, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Hạ: anh Nguyễn Ngọc P (cha ruột).

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh H, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh N, bà Nguyễn Thị Thanh T,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 (nộp cho Tòa án ngày 14/4/2021), các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, đồng nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh H, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:*

Cha mẹ của các ông bà là cụ Nguyễn Văn H1 (chết năm 1977) và cụ Trần Thị X (chết năm 2019) có 07 người con là Trần Thị Thanh H sinh năm 1949, Nguyễn

Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956 (chết từ nhỏ), Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964.

Năm 1997, mẹ của các ông bà được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN.QSDĐ) với diện tích là 177,6m². Nguồn gốc đất là của ông bà ngoại tặng cho riêng cụ X. Sau nhiều lần Nhà nước thu hồi để mở rộng đường thì đất còn lại là 60,2m² theo bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh Long Xuyên lập ngày 30/12/2022, loại đất ở đô thị. Bản vẽ thể hiện, diện tích 60,2m² đất có phần chồng ranh với Nguyễn Như H và Trương Bảo N là 1,2m². Các ông bà không tranh chấp với ông Huy, bà Ngọc về phần chồng ranh. Gắn liền với đất, có căn nhà cấu trúc nền gạch men, khung sắt tiền chế, vách gạch, mái tole, gác gỗ cộng khung sắt tiền chế và mái che có kết cấu nền lán xi măng, khung gỗ cộng sắt tiền chế, vách lưới B40, mái tole. Khi mẹ các ông bà còn sống là người trực tiếp quản lý tài sản, ông V và vợ, con ông V sinh sống cùng với mẹ. Sau khi mẹ chết thì ông V, vợ con ông V tiếp tục quản lý nhà và đất đến nay. Khi mẹ các ông bà chết, không để lại di chúc tặng cho tài sản. Ngoài ra, năm 2021, UBND thành phố Long Xuyên có thu hồi một phần diện tích đất và theo Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2460/QĐ – UBND ngày 02/7/2021, với nội dung đền bù về đất cho cụ X là 430.854.400 đồng, số tiền này các ông bà chưa nhận được. Nay, do các anh em trong gia đình không thể tự thỏa thuận về việc phân chia tài sản thừa kế nên các ông bà yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật đất có diện tích 59m² theo Bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh Long Xuyên lập ngày 30/12/2022 (sau nhiều lần bị thu hồi và trừ phần chồng ranh với ông Huy, bà Ngọc), chia số tiền bồi thường đất theo Quyết định 2460/QĐ – UBND ngày 02/7/2021 là 430.854.400 đồng. Các ông bà đồng ý để ông V được quyền sử dụng đất, ông V có nghĩa vụ giao cho các anh em mỗi người 01 phần thừa kế là 300.000.000 đồng. Đối với tài sản gắn liền với đất, các ông bà không tranh chấp, đồng ý các tài sản trên đất là của vợ chồng ông V tự xây dựng.

Các ông bà thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022, bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh Long Xuyên và Chứng thư thẩm định giá số 659/2022/VVAC/CT ngày 09/11/2022 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt - VVAC. Các ông bà không tranh chấp về ranh giới với thửa đất của ông Nguyễn Như H và bà Trương Bảo N.

** Theo các văn bản nộp cho Tòa án và các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh V trình bày:*

Cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn H1 (chết năm 1977) và cụ Trần Thị X (chết năm 2019) có 07 người con là Trần Thị Thanh H sinh năm 1949, Nguyễn Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956, Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964. Đối với ông Nguyễn Thanh L, đến nay vẫn chưa có căn cứ để xác định mất tích hay đã chết. Trước đây, ông L sống cùng gia đình tại địa chỉ số S, đường H. Sau đó, ông L bỏ địa phương đi đến nay không biết tin tức mặc dù mẹ ông đã tìm kiếm khắp nơi.

Mẹ của ông được UBND tỉnh An Giang cấp GCN.QSDĐ ngày 16/8/1997 với diện tích là 177,6m², thửa số 152, tờ bản đồ số 29, loại đất ở. Từ năm 1999 đến năm

2021, Nhà nước nhiều lần thu hồi đất để mở rộng đường Hùng Vương, cụ thể: năm 1999, thu hồi đất là 96,86m² và toàn bộ căn nhà; đến năm 2021, thu hồi 18,40m². Quá trình chung sống với mẹ, ông cùng vợ là bà Nguyễn Kim H nhiều lần cải tạo, sửa chữa nhà, đổ đất, cát để san lấp nền.

Qua yêu cầu chia thừa kế của các anh chị em, ông thống nhất về di sản của mẹ ông để lại là 60,2m² đất theo Bản trích đo của Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh Long Xuyên lập ngày 30/12/2022, loại đất ở đô thị. Bản vẽ thể hiện, diện tích 60,2m² đất có phần chồng ranh với Nguyễn Như H và Trương Bảo N là 1,2m². Ông đồng ý không tranh chấp với ông Huy, bà Ngọc về phần chồng ranh và xác định đất còn lại là 59m². Ngoài ra, di sản của mẹ ông để lại còn có số tiền đền bù đất theo Quyết định 2460/QĐ – UBND ngày 02/7/2021 là 430.854.400 đồng, số tiền này ông vẫn chưa liên hệ để nhận.

Do đất tranh chấp là nơi chôn rau cắt rốn của các anh em ông, là nơi gia đình ông gồm vợ, con trai, con dâu và cháu nội sinh sống ổn định nên ông yêu cầu được nhận di sản và thanh toán lại cho các anh chị em mỗi người 300.000.000 đồng.

Về căn nhà có trên đất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022 và bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022 là tài sản của ông và vợ là bà Nguyễn Kim H xây dựng qua nhiều lần Nhà nước thu hồi đất.

Ông thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2022, bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022 do Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh Long Xuyên lập ngày 30/12/2022.

Tuy nhiên, ngày 23/02/2023, ông V thay đổi ý kiến. Do ông có công cải tạo, san lấp đất và không có khả năng tài chính nên ông chỉ đồng ý thanh toán cho mỗi người anh chị em là 200.000.000 đồng, đồng ý chia số tiền bồi thường đất là 430.854.400 đồng cho 06 người anh em.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh P trình bày tại Đơn trình bày ý kiến ngày 15/02/2023:*

Ông thống nhất với các anh chị em về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ ông là bà Trần Thị X. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế, ông xin được nhận 01 phần giống như các phần còn lại. Ngoài ra, ông còn có ý kiến xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Theo biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim H:*

Không có ý kiến trình bày và thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Nguyễn Thanh V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

Tuyên xử:

[1] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn H1 (chết năm 1977) và cụ Trần Thị X (chết năm 2019) gồm có các con: Nguyễn Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956, Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V

sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964.

[2] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị X (chết năm 2019) có Trần Thị Thanh H sinh năm 1949, Nguyễn Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956, Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các ông bà Trần Thị Thanh H, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thị Thanh N.

[3.1] Công nhận di sản thừa kế của cụ Trần Thị X (chết năm 2019) để lại là:

- $\frac{1}{2}$ diện tích $59m^2$ đất được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tọa lạc tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28), có giá trị là 1.196.475.500 (một tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

- Số tiền bồi thường về đất là 430.854.400 (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng theo Quyết định số 2460/QĐ – UBND ngày 02/7/2021 của UBND thành phố Long Xuyên.

[3.2] Ông Nguyễn Thanh V được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích $59m^2$ đất được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tọa lạc tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28).

[3.3] Ông Nguyễn Thanh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế khác giá trị di sản, cụ thể:

- Thanh toán cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng, do bà Trần Thị Thanh H là người nhận và tạm quản lý.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

[3.4] Đối với số tiền bồi thường về đất là 430.854.400 (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng theo Quyết định số 2460/QĐ – UBND của UBND thành phố Long Xuyên ngày 02/7/2021 (do UBND phường Mỹ Long chịu trách nhiệm chi trả), các đương sự sẽ được nhận tại giai đoạn thi hành án, cụ thể:

Bà Trần Thị Thanh H được nhận là 107.713.600 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn sáu trăm) đồng, trong đó có nhận thay và tạm quản lý phần của ông

Nguyễn Thanh L là 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh S được nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh P được nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh V được nhận 107.713.600 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn sáu trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh N nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

[4] Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của các nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 59m² được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28), do hết thời hiệu và giao cho ông Nguyễn Thanh V được quyền tiếp tục quản lý và sử dụng.

[5] Ông Nguyễn Thanh V được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 59m² được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28) và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh Long Xuyên là một phần không thể tách rời của Bản án)

[6] Bà Trần Thị Thanh H là người thực hiện quản lý phần tài sản của ông Nguyễn Thanh L được nhận và có nghĩa vụ giao cho ông L khi ông L trở về hoặc được chia thừa kế khi có căn cứ pháp luật cho rằng ông L đã chết.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 13/4/2023, bà Trần Thị Thanh H, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm và chia di sản thừa kế của cụ X bằng nhau cho các con.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng vụ án: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng đề xuất giải quyết vụ án: Diện tích đất 177,6m² tọa lạc tại số nhà S, đường H, khóm 6, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang có nguồn gốc của cha mẹ bà Trần Thị X là ông Trần Văn Ổ, bà Nguyễn Thị Vân cho bà X trong thời gian chung sống với ông Nguyễn Văn H1 vào năm 1957 (Căn cứ mẫu kê khai đăng ký nhà đất ngày 10/8/1991 của ông Nguyễn Văn Vũ) là tài sản chung vợ chồng ông H1, bà X. Ngày 16/8/1997, bà X được cấp GCN.QSĐĐ số 00211.QSĐĐ/Ab, tờ bản đồ số 29, số thửa 152, diện tích 177,6m² (Nay thuộc thửa số 171, tờ bản đồ số 28). Năm 2005, ông V xây dựng nhà kiên cố trên đất và tiếp tục sửa chữa nhà cho đến hiện nay (Các đồng nguyên đơn, bị đơn đều xác định căn nhà là tài sản riêng của ông V, bà H không yêu cầu chia di sản thừa kế là có cơ sở). Sau nhiều lần thu hồi để mở rộng đường, diện tích đất còn lại 60,2m² theo Bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 30/12/2022, loại đất ở đô thị (Trong đó có chồng ranh là 1,2m² với thửa đất số 163 cấp cho ông Nguyễn Như H, bà Trương Bảo N nhưng các bên không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần tranh chấp nêu trên). Trong thời gian sinh sống trên đất thì ông V cải tạo đất, san lấp một phần con mương rạch tại vị trí thửa đất làm tăng giá trị đất, thể hiện tại Biên bản giám định hiện trạng ngày 07/5/1999. Ông V, bà H tiếp tục chăm sóc bà X cho đến khi bà X chết và không để lại di chúc.

Các đương sự thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm 07 người: Trần Thị Thanh H (1949), Nguyễn Thanh S (1955), Nguyễn Thanh P (1957), Nguyễn Thanh V (1960), Nguyễn Thị Thanh T (1962), Nguyễn Thị Thanh N (1964) và Nguyễn Thanh L. Các đồng nguyên đơn trình bày ông L đã chết từ nhỏ, nhưng không có chứng cứ chứng minh, bị đơn trình bày ông L chỉ đang mất tích chưa có chứng cứ xác định đã chết. Di sản thừa kế của cụ X gồm diện tích đất 59m² tọa lạc tại Số S, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh A và số tiền là 430.854.400 đồng theo Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND thành phố Long Xuyên về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Thanh V (Đại diện) để nhận. Xét thấy, mặc dù đất đứng tên bà X, nhưng được hình thành trong thời gian hôn nhân nên phải được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà X chưa chia.

Đối với phần di sản của bà X để lại là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung 29,5m² (59 : 2) với giá trị là 1.196.475.750 đồng (2.392.951.500 : 2) và số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là 430.854.400 đồng. Trong phần di sản thừa kế của bà X xét thấy ông V có công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bà X, quản lý, giữ gìn, tôn tạo đất trồng làm tăng giá trị đất. Do đó, cấp sơ thẩm có xem xét cho ông V được hưởng 01 kỷ phần đối với công sức đóng góp là có cơ sở, phù hợp với Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với số tiền bồi thường do ông V tự nguyện dùng toàn bộ số tiền bồi thường 430.854.400 đồng chia thành 08 phần không yêu cầu áp dụng thời hiệu thừa kế đối với phần của ông H1, nên các đồng nguyên đơn được hưởng lợi so với quy định của

pháp luật. Các đồng nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bổ sung để chứng minh, nên kháng cáo không có cơ sở để xét khác.

Bởi các lẽ trên,

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Trần Thị Thanh H, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N; Giữ nguyên Bản án dân sự số 46/2023/DS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S, bà Trần Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh N trong hạn luật định, ông S, bà H, bà T thuộc đối đương được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, anh Nguyễn Ngọc P, chị Mai Phương C có đơn đề nghị được vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S, bà H, bà T và bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Xét, kháng cáo của bà H, ông S, bà T, bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Trần Thị X có 06 người con chung là Nguyễn Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956, Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964. Cụ X có 01 người con riêng là Trần Thị Thanh H sinh năm 1949. Ngoài ra, cụ X không còn người con nào khác.

[3.1] Ông Nguyễn Thanh L không có vợ con và bỏ nhà đi từ trước năm 1990. Các đương sự xác định không ai biết ông L đang ở đâu. Từ đó đến nay, cụ X và các anh chị em không ai thực hiện thủ tục tuyên bố một người mất tích và tuyên bố một người đã chết đối với ông L nên không có căn cứ pháp luật để cho rằng ông L mất tích hay đã chết. Cấp sơ thẩm vẫn dành cho ông L một phần, tạm giao cho người thân thích hoặc người thừa kế khác quản lý, quyền và nghĩa vụ của ông L sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là đúng pháp luật.

[3.2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống, cụ H1 và cụ X phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cụ X đã thực hiện thủ tục ly hôn với cụ H1 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh hai cụ đã ly hôn do cơ quan có thẩm quyền đương thời quyết định như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Vì vậy tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày chính bà được cụ X dẫn lên Sài Gòn bà chứng kiến cha mẹ ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Như vậy, hôn nhân giữa cụ H1, cụ X tồn tại từ trước năm 1954 đến năm cụ H1 mất là năm 1977 nên được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 (viết tắt LHNGĐ 1959) bởi Nghị quyết 76/CP ngày 1977 của Chính phủ. Tại Điều 15 của LHNGĐ 1959 quy định: “Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Theo GCN.QSĐĐ số 00211.QSĐĐ/Ab ngày 16/8/1997, cụ Trần Thị X được UBND tỉnh An Giang cấp quyền sử dụng đất có diện tích 177,6m², vị trí tại thửa số 152, thuộc tờ bản đồ số 29, loại đất ở đô thị, Mẫu kê khai cấp đất có tên cụ H1, các đương sự đều thừa nhận phần đất này cụ H1 và cụ X được ông bà ngoại cho nên có cơ sở xác định đây là tài sản chung của cụ H1, cụ X. Năm 1977, cụ H1 chết, không để lại di chúc. Các con của cụ H1 và cụ X không ai làm thủ tục yêu cầu chia di sản của cụ H1. Đến khi cụ X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ X cũng chưa làm thủ tục yêu cầu phân chia tài sản chung với cụ H1. Do đó, thửa đất mà các nguyên đơn cho rằng cụ X được ông bà ngoại tặng cho riêng, cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung chưa chia của vợ chồng cụ H1 và cụ X là có cơ sở. Do các đương sự yêu cầu chia thừa kế phần đất này nên cấp sơ thẩm nhận định đây là phần di sản chung là phù hợp quy định pháp luật.

Các nguyên đơn xác định 59m² đất còn lại để yêu cầu chia thừa kế, phần diện tích tăng thêm là của riêng cụ X. Các đương sự đều xác nhận rằng, vị trí thửa đất vẫn không thay đổi, do hình thể khu đất nhiều cạnh gấp khúc và khi kê khai thì chỉ kê khai phần diện tích đất có nhà, đến năm 1997 khi đo đạc và kê khai lại thì diện tích chính xác là 177,6m². Từ đó không có căn cứ diện tích đất tăng thêm và tăng vị trí nào. Hình thể khu đất nhiều gấp khúc nên đo vẽ thủ công không chính xác.

Cụ X là giáo viên và nghỉ hưu năm 1982 khi ấy cụ 55 tuổi, kê khai năm 1991 do ông V thực hiện kê khai thay cho cụ X và đến năm 1997 được cấp diện tích 177,6m² lúc này cụ X đã trên 70 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các ông bà: H, S, N, T đều xác nhận vào những năm 1980 thì các ông, bà đều lập gia đình và ra ở riêng, chỉ còn ông V sống cùng cụ X và có vài lần thay đổi chỗ ở nhưng cụ X vẫn sống cùng ông V đến cuối đời. Nhà cũ qua nhiều lần sửa chữa không còn, nên các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất nên cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 59m² còn lại là di sản là có cơ sở pháp luật.

[3.4] Về vị trí đất tranh chấp: Xét thấy, qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, Nhà nước 02 lần thu hồi đất để phục vụ cho việc nâng cấp đô thị và có san lấp sông rạch (cụ thể là Rạch Ngã ba Cái Sơn), dẫn đến địa hình, địa vật có sự thay đổi. Từ đó, các mặt tiếp giáp của thửa đất hiện nay không thể giống như thời điểm năm 1991. Ngoài ra, Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/12/2022 được Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh Long Xuyên biên tập hoàn thiện sau khi phục hồi các mốc ranh quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, không có cơ sở để cho rằng phần đất còn lại là tài sản riêng của cụ X do cụ X tự lấn chiếm, sử dụng mà có.

[4] Tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015) quy định về thời hiệu để chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Cụ H1 chết năm 1977, căn cứ Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị Quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế được tính ngày 10/9/1990. Ngày 12/4/2021, nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế

là đất theo pháp luật là đã hết thời hiệu đối với $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ H1 để lại. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 của BLTTDS, đình chỉ giải quyết đối với $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ H1 trong khối tài sản chung của vợ chồng với cụ X.

[5] Xét thấy, do ông V là một trong các thừa kế không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ H1 (trong khối tài sản chung là 59m² đất) nên không đủ điều kiện để Hội đồng xét xử chia tài sản chung theo quy định tại tiểu mục 2.4 mục 2 phần 1 của Nghị Quyết 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Tại khoản 1 Điều 623 của BLDS 2015 quy định “1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó.....”. Xét thấy, ông V là người đang sinh sống, trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ khi bà X chết, do đó, Hội đồng xét xử giao $\frac{1}{2}$ tài sản chung của cụ H1 đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế cho ông V tiếp tục quản lý, sử dụng.

[7] Đối với $\frac{1}{2}$ tài sản của cụ X (chết năm 2019) để lại vẫn còn trong thời hiệu để chia thừa kế. Các đương sự đều thống nhất chia di sản của cụ X theo quy định pháp luật, yêu cầu này phù hợp với khoản 2 Điều 660 của BLDS 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[8] Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản: Xét thấy, qua Biên bản giám định hiện trạng ngày 07/5/1999 thể hiện, phần lớn diện tích bị thu hồi là đất liền (nền), còn lại là đất thấp (trũng) và thời điểm này cụ X đã 72 tuổi thì không thể tự mình di dời nhà ở, cải tạo, bồi đắp đất để ổn định cuộc sống. Việc này cũng được ông P thừa nhận, vợ chồng ông V là người trực tiếp san lấp đất và là người trông nom cụ X khi về già. Cấp sơ thẩm trích một phần thừa kế cho ông V do ông V có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản là có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông S, bà T, bà N yêu cầu chia di sản thừa kế bằng nhau cho các con.

Tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn trình bày số tiền bồi thường đất của cụ X sau khi cụ chia cho các con, số tiền còn lại do ông V, ông S, con của bà H là Bảo Hoàng đang quản lý. Nội dung này các nguyên đơn không yêu cầu tại cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, trường hợp các đương sự không thương lượng được thì có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo các nguyên đơn không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm. Bà H, ông S, bà T thuộc đối tượng người cao tuổi nên ông bà không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 76-CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành và xây dựng luật thống nhất cả nước;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 623, 649, 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 và Án lệ số 16/2017/AL ngày 14/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn H1 (chết năm 1977) và cụ Trần Thị X (chết năm 2019) gồm có các con: Nguyễn Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956, Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964.

[2] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị X (chết năm 2019) có Trần Thị Thanh H sinh năm 1949, Nguyễn Thanh S sinh năm 1955, Nguyễn Thanh L sinh năm 1956, Nguyễn Thanh P sinh năm 1958, Nguyễn Thanh V sinh năm 1960, Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Thanh N sinh năm 1964.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các ông bà Trần Thị Thanh H, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thị Thanh N.

[3.1] Công nhận di sản thừa kế của cụ Trần Thị X (chết năm 2019) để lại là:

- ½ diện tích 59m² đất được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tọa lạc tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28), có giá trị là 1.196.475.500 (một tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

- Số tiền bồi thường về đất là 430.854.400 (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng theo Quyết định số 2460/QĐ – UBND ngày 02/7/2021 của UBND thành phố Long Xuyên.

[3.2] Ông Nguyễn Thanh V được quyền sử dụng ½ diện tích 59m² đất được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu

đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tọa lạc tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28).

[3.3] Ông Nguyễn Thanh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế khác giá trị di sản, cụ thể:

- Thanh toán cho bà Trần Thị Thanh H số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng, do bà Trần Thị Thanh H là người nhận và tạm quản lý.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 149.559.500 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

[3.4] Đối với số tiền bồi thường về đất là 430.854.400 (bốn trăm ba mươi triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm) đồng theo Quyết định số 2460/QĐ – UBND của UBND thành phố Long Xuyên ngày 02/7/2021 (do UBND phường Mỹ Long chịu trách nhiệm chi trả), các đương sự sẽ được nhận tại giai đoạn thi hành án, cụ thể:

Bà Trần Thị Thanh H được nhận là 107.713.600 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn sáu trăm) đồng, trong đó có nhận thay và tạm quản lý phần của ông Nguyễn Thanh L là 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh S được nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh P được nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Ông Nguyễn Thanh V được nhận 107.713.600 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười ba nghìn sáu trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh N nhận 53.856.800 (năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

[4] Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của các nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 59m² được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28), do hết thời hiệu và giao cho ông Nguyễn Thanh V được quyền tiếp tục quản lý và sử dụng.

[5] Ông Nguyễn Thanh V được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 59m² được giới hạn bởi các điểm 46 – 3 – 32 – 16 – 29 – 5 – 49 – 35 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022), loại đất ODT, vị trí tại thửa số 152, tờ bản đồ địa chính số 29 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ địa chính số 28) và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 30/12/2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh Long Xuyên là một phần không thể tách rời của Bản án)

[6] Bà Trần Thị Thanh H là người thực hiện quản lý phần tài sản của ông Nguyễn Thanh L được nhận và có nghĩa vụ giao cho ông L khi ông L trở về hoặc được chia thừa kế khi có căn cứ pháp luật cho rằng ông L đã chết.

[7] Về chi phí tố tụng: không xem xét.

[8] Về án phí:

[8.1] Bà Trần Thị Thanh H, ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh P, ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Thanh T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[8.2] Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.320.000 (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000700 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[8.3] Bà Nguyễn Thị Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 10.170.800 (mười triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm) đồng. Do bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 10.320.000 (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000701 ngày 25/11/2021 và 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000936 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.949.200 (một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H, ông S, bà T được miễn án phí phúc thẩm; bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0001630 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn cáo kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- TAND TP. Long Xuyên
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo